TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNHSƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

*Thư ký phiên họp**:*** Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2026/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2026 về việc *"yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận vợ chồng"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Trương Thị M, sinh ngày 26-3-2005. Số Căn cước công dân: 030305009623. Ngày cấp: 26-4-2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, thành phố Hải Phòng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ: xã N, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch

- Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 25-5-1987. Số Căn cước công dân: 030187011843. Ngày cấp: 05-8-2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Ông Trương Văn L, sinh ngày 10-9-1984. Số Căn cước công dân: 030084000761. Ngày cấp: 03-5-2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đều trú tại: Thôn K, xã N, thành phố Hải Phòng

(chị M, bà H, ông L, Ủy ban nhân dân xã N đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của chị Trương Thị M và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị là con đẻ của ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H. ông L và bà H được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 21-5-2004 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01. Tại thời điểm đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi nên bà đã khai sinh ngày 25-4-1987. Đối chiếu với giấy khai sinh và căn cước công dân của bà H thể hiện sinh ngày 25-5-1987 như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn bà mới được 16 tuổi 11 tháng 26 ngày.

Từ khi kết hôn, ông L, bà H chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 03 con chung gồm Trương Thị M, Trương Thị Tuyết M1, sinh ngày 07-01-2010 và Trương Minh T1, sinh ngày 22-4-2016. Nay chị làm đơn này đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông L và bà H do UBND xã L (nay là xã N) cấp ngày 21-05-2004. Do hiện nay chị là sinh viên đi học xa nhà nên đề nghị Tòa án cho được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp liên quan đến việc giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L trình bày: Ông bà được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 21-05-2004. Tại thời điểm đăng kí kết hôn ghi tên bà H là Nguyễn Thị H, sinh ngày 21-4-1987. Theo giấy khai sinh và căn cước công dân thể hiện bà H có tên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 25-5-1987. Như vậy tại thời điểm đăng kí kết hôn, bà H mới được 16 tuổi 11 tháng 26 ngày, chưa đủ tuổi đăng kí kết hôn theo quy định. Kể từ khi kết hôn, ông L và bà H chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 03 con chung là cháu Trương Thị M, sinh ngày 26-3-2005, cháu Trương Thị Tuyết M1, sinh ngày 07-01-2010 và cháu Trương Minh T1, sinh ngày 22-4-2016. Nay chị M yêu cầu Tòa án hủy đăng kí kết hôn giữa ông L và bà H thì quan điểm của ông, bà không đồng ý. Đến thời điểm này, bà H đã đủ tuổi kết hôn theo quy định nên ông L, bà H đều đề nghị Tòa án công nhận ông, bà là vợ chồng kể từ thời điểm bà H đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên ông L và bà H không thể có mặt theo giấy làm việc của Tòa án, đề nghị Tòa án cho ông, bà được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp. Ông, bà vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không còn ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị H đăng kí hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã N, thành phố Hải Phòng có đăng kí kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 21-05-2004. Tại sổ

đăng kí kết hôn quyển số 01/2004, số 02 thể hiện ghi tên vợ là Nguyễn Thị H, sinh ngày 25-4-1987. Đối chiếu với giấy khai sinh và căn cước công dân của chị H sinh ngày 25-05-1987 thì tại thời điểm đăng kí kết hôn, chị H mới được 16 tuổi 11 tháng 26 ngày (thiếu 5 ngày mới đủ điều kiện đăng kí kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000), chồng là Trương Văn L sinh ngày 20/02/1984 (tại thời điểm đăng kí kết hôn anh L được 19 tuổi 8 tháng 13 ngày đủ điều kiện đăng kí kết hôn). Xét thấy căn cứ văn bản hiện có, UBND xã đồng ý quan điểm hủy giấy chứng nhận đăng kí kết hôn của anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị H số 22 ngày 21/05/2004 do UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương cấp (nay là xã N, thành phố Hải Phòng). UBND xã N xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên họp.

- Tại biên bản xác minh với Công an xã N, thành phố Hải Phòng cung cấp thể hiện: Qua kiểm tra thông tin quản lý dân cư tại xã N thể hiện không có công dân Nguyễn Thị H, sinh ngày 25-4-1987 có địa chỉ tại địa chỉ tại thôn K, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng).

Tại phiên họp: Chị M, bà H, ông L, Ủy ban nhân dân xã H đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị M về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 quyển số 01 ngày ngày 21-5-2004 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H kể từ ngày 25-5-2005.

3. Về lệ phí: Chị Trương Thị M không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị M có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H. Ông L và bà H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng). Toà án nhân dân khhu vực 10- Hải Phòng thụ lý giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị M, bà H, ông L, Ủy ban nhân dân xã N đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt chị M, bà H, ông L, Ủy ban nhân dân xã N.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của chị Trương Thị M về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L, do Ủy ban nhân dân xã L cấp số 22 ngày 21-5-2004. Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 25-4-1987. Đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước công dân của bà thể hiện tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 21-5-1987. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H mới được 16 tuổi 11 tháng 26 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Bà H và ông L không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận ông bà là vợ chồng kể từ thời điểm bà H đủ tuổi theo quy định. Ủy ban nhân dân xã N đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà H và ông L.

Yêu cầu của chị M là có căn cứ tuy nhiên bà H và ông L đều đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị. Áp dụng Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L kể từ ngày 25-5-2005.

[3]. Về lệ phí: Chị Trương Thị M không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H và ông L phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị M về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 21-5-2004 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L kể từ ngày 25-5-2005.

3. Về lệ phí: Chị Trương Thị M không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị M số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng ký hiệu BLTU/26E số 0000205 ngày 08-01-2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trương Văn L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân khu vực 10- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Nam An Phụ, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Nguyệt